TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26 /2021/DS-ST
Ngày: 19/11/2021
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khổng Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Ngọc Đông
- Bà Trần Thị Bích Hợp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Trần Thị Thoa - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tr, sinh năm: 1949; Địa chỉ: Tổ 15, KV 3, P. Đ, TP. Q, tỉnh Bình Định

Bị đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Tổ 2, KV 5, P. BTX, TP. Q, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Bà Phạm Thị X, sinh năm: 1958; Ông Lê Văn S, sinh năm: 1954; Đồng địa chỉ: Tổ 2, KV 5, P. BTX, TP. Q, tỉnh Bình Định.

(Bà Tr, chị H có mặt, ông S, bà X có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Lê Thị Tr trình bày: Ngày 06/9/2019 (âm lịch), chị Lê Thị Ngọc H có mượn của bà 100.000.000 đồng để hùn vốn làm ăn với gia đình chị H. Khi mượn hai bên có viết giấy mượn tiền và ông Lê Văn S, bà Phạm Thị X là cha mẹ chị H ký bảo lãnh. Từ khi mượn đến nay chị H không trả số tiền trên cho bà; ông S, bà X cũng không thực hiện nghĩa vụ trả thay như đã cam kết. Nay bà yêu cầu chị Lê Thị Ngọc H trả cho bà một lần số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/10/2020 với lãi suất 1%/tháng. Nếu chị H không trả thì ông Lê Văn S, bà Phạm Thị X phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho chị H.

Bị đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày: Ngày 06/9/2019 (âm lịch) chị có mượn của bà Lê Thị Tr số tiền 100.000.000 đồng. Khi mượn tiền, chị là người viết giấy và có cha mẹ chị là bà Phạm Thị X và ông Lê Văn S ký bảo lãnh. Vì là mẹ con với nhau nên trong giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Số tiền này là cá nhân chị mượn của bà Tr không liên quan đến chồng chị là anh Lê Văn T. Hiện nay chị và anh T đã ly hôn theo Quyết định số 478/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q. Từ khi mượn tiền đến nay chị vẫn chưa trả tiền gốc cho bà Tr. Nay bà Tr yêu cầu chị trả một lần số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/10/2020 với lãi suất 1%/tháng, chị đồng ý nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị xin được trả dần tiền gốc và lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại bản khai ngày 13/5/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X trình bày: Bà là mẹ của chị Lê Thị Ngọc H. Ngày 06/9/2019 (âm lịch) H có mượn của bà Lê Thị Tr số tiền 100.000.000 đồng. Khi mượn, H là người viết giấy và bà cùng chồng bà là ông Lê Văn S ký tên trong giấy mượn tiền để bảo lãnh. Theo bà biết, từ trước đến nay H chưa trả tiền gốc cho bà Tr. Nay hoàn cảnh của H khó khăn nên xin trả dần cho bà Tr mỗi tháng 3.000.000 đồng. Trường hợp H không trả nợ cho bà Tr thì bà có trách nhiệm trả thay cho H.

Tại bản khai ngày 13/5/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày của bà Phạm Thị X về việc mượn tiền giữa H và bà Tr. Trường hợp H không trả nợ cho bà Tr thì ông có trách nhiệm trả thay cho H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm,

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự:*

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Buộc chị H trả cho bà Tr số tiền gốc 100.000.000 đồng và 12.000.000 đồng tiền lãi. Không chấp nhận lời nại của chị H về việc xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trường hợp chị H không trả được nợ cho bà Tr thì vợ chồng ông Lê Văn S, bà Phạm Thị X có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trước, đây là vụ án có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Tổ 2, KV 5, P. BTX, TP. Q, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bà Phạm Thị X, ông Lê Văn S nhưng bà X, ông S không có mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X, ông S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Tr, chị Lê Thị Ngọc H, ông Lê Văn S, bà Phạm Thị X đều thống nhất ngày 06/9/2019 (âm lịch) chị H vay của bà Tr số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Hai bên có viết giấy mượn tiền và không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay đến nay, chị H chưa trả tiền gốc cho bà Tr mặc dù bà nhiều lần yêu cầu trả nợ nên bà Tr khởi kiện yêu cầu chị H trả cho bà 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày

04/10/2020 với lãi suất 1%/tháng. Về phía bị đơn, chị H xác nhận còn nợ bà Tr 100.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Tr tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/10/2020 với lãi suất 1%/tháng nhưng xin được trả dần tiền gốc và lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay giữa bà Lê Thị Tr và chị Lê Thị Ngọc H là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Chị H thừa nhận còn nợ bà Tr tiền gốc 100.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của bà Tr, như vậy chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà Tr khởi kiện yêu cầu chị H trả một lần tiền gốc 100.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Tại giấy mượn tiền ngày 06/9/2019 (âm lịch) các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Tr yêu cầu chị H trả tiền lãi tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/10/2020 với lãi suất 1%/tháng, chị H đồng ý. Xét thấy: Bà Tr yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, đây là sự thỏa thuận của các bên đương sự và bị đơn chị H cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/10/2020 là 12 tháng: 100.000.000 đồng x 1%/tháng x 12 tháng = 12.000.000 đồng. Như vậy, chị H phải trả cho bà Tr tiền lãi là 12.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tr. Buộc chị Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tr số tiền 112.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng.

Trường hợp chị Lê Thị Ngọc H không trả cho bà Lê Thị Tr số tiền 112.000.000 đồng thì ông Lê Văn S và bà Phạm Thị X có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay cho chị H.

[2.3] Về yêu cầu xin trả dần tiền gốc và lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng của chị H không được bà Tr đồng ý và không phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa

án; chị H phải chịu 5.600.000 đồng (112.000.000 đồng x 5% = 5.600.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Tr được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tr.

Buộc chị Lê Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tr số tiền 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng), trong đó tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi là 12.000.000 đồng.

Trường hợp chị Lê Thị Ngọc H không trả cho bà Lê Thị Tr số tiền 112.000.000 đồng thì ông Lê Văn S và bà Phạm Thị X có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay cho chị H.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc H xin trả dần tiền gốc và lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ .

3. Về án phí:

- Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu 5.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Tr được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khổng Lan Hương